

Số: 18/2023/CV-PICOMAT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: PCH

- Địa chỉ: Thôn Cầu Liêu, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

VPĐD: Tầng 1, Tòa nhà CT3B, Số 10 Đại Lộ Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 024.6329.0555 E mail: info@picomat.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng, BCTC hợp nhất và giải trình LNST BCTC riêng và hợp nhất quý I năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/2023 tại đường dẫn:

BCTC riêng Picomat Quý I năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-rieng-picomat-quy-i-nam-2023>

BCTC hợp nhất Picomat Quý I năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-hop-nhat-picomat-quy-i-nam-2023>

Giải trình LNST BCTC riêng và hợp nhất Quý I năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/giai-trinh-lnst-thu-nhap-doanh-nghiep-tai-bao-cao-kqhdkd-cua-bctc-rieng-va-hop-nhat-quy-i-nam-2023>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý I năm 2023;
- Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2023;
- Giải trình LNST BCTC riêng và hợp nhất Quý I năm 2023.

**Đại diện tổ chức
Người CBTT**



ĐÀO THỊ KIM OANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 3 tháng đầu năm 2023

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 03 năm 2022. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong Quý 1 năm 2023 là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, các sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ kế toán 3 tháng đầu năm 2023 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên
Ông	Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Bà Đào Thị Kim Oanh Tổng Giám đốc

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

4. Cam kết của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5 Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023



Đào Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75,272,256,801	69,689,794,993
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14,241,383,430	14,415,928,095
1. Tiền	111		8,641,383,430	14,415,928,095
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,600,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20,500,000,000	20,500,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	20,500,000,000	20,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16,176,179,579	10,438,985,971
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1,182,503,318	291,997,702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14,384,752,556	9,964,937,412
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	608,923,705	217,797,259
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(35,746,402)
IV. Hàng tồn kho	140		24,229,038,378	24,225,844,422
1. Hàng tồn kho	141	V.6	24,229,038,378	24,225,844,422
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		125,655,414	109,036,505
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	61,083,669	109,036,505
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64,476,647	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	95,098	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164,906,932,161	165,199,082,048
II. Tài sản cố định	220		57,751,019,254	57,949,482,772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8a	8,026,214,628	8,224,678,146
- Nguyên giá	222		10,956,020,599	10,956,020,599
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2,929,805,971)	(2,731,342,453)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8b	49,724,804,626	49,724,804,626
- Nguyên giá	228		49,724,804,626	49,724,804,626
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		98,800,000,000	98,800,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	98,800,000,000	98,800,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8,355,912,907	8,449,599,276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8,355,912,907	8,449,599,276
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		240,179,188,962	234,888,877,041

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		8,207,105,455	3,043,973,964
I. Nợ ngắn hạn	310		8,007,105,455	2,843,973,964
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	91,541,204	29,129,363
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	70,391,367	25,466,200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	150,239,019	864,630,285
4. Phải trả người lao động	314		263,967,000	490,111,739
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9,092,955	2,259,141
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	46,477,200	39,488,600
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	7,375,396,710	1,392,888,636
II. Nợ dài hạn	330		200,000,000	200,000,000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	200,000,000	200,000,000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		231,972,083,507	231,844,903,077
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	231,972,083,507	231,844,903,077
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200,000,000,000	200,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,254,827,061	2,254,827,061
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29,717,256,446	29,590,076,016
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		29,590,076,016	19,891,993,939
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		127,180,430	9,698,082,077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		240,179,188,962	234,888,877,041

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thùy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Như Quỳnh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý I năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	17,501,053,597	29,836,523,869	17,501,053,597	29,836,523,869
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.2	17,501,053,597	29,836,523,869	17,501,053,597	29,836,523,869
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	15,956,766,340	25,373,745,231	15,956,766,340	25,373,745,231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,544,287,257	4,462,778,638	1,544,287,257	4,462,778,638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	434,203,608	249,696,373	434,203,608	249,696,373
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	61,280,825	259,352,372	61,280,825	259,352,372
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61,250,825	259,352,372	61,280,825	259,352,372
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	948,474,490	877,556,735	948,474,490	877,556,735
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	810,888,079	607,097,984	810,888,079	607,097,984
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26	30		157,847,471	2,968,467,920	157,847,471	2,968,467,920
11. Thu nhập khác	31		920,756	43,220	920,756	43,220
12. Chi phí khác	32		16,189	46,926	16,189	46,926

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		158,752,038	2,290,912,918
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.8	198,463,518	163,777,158
- Các khoản dự phòng	03		(35,746,402)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(303,966)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(434,203,608)	(249,392,407)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	61,280,825	259,352,372
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(51,453,629)	2,464,346,075
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5,355,493,992)	(20,946,472,653)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,193,956)	1,104,382,805
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(663,099,712)	8,958,257,399
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		141,639,205	41,842,006
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54,447,011)	(269,321,179)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(194,777,391)	(709,271,287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6,180,826,486)	(9,356,236,834)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23,773,747	6,762,270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23,773,747	6,762,270
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	29,122,827,061
2. Tiền thu từ đi vay	33		7,375,396,710	17,904,936,412
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,392,888,636)	(12,493,047,235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5,982,508,074	34,534,716,238
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(174,544,665)	25,185,241,674
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14,415,928,095	14,246,370,418
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	14,241,383,430	39,431,612,092

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thùy Linh



Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Thị Kim Oanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 03 năm 2022. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của Công ty	Hoạt động chính
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P.Kỳ Sơn, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh			
<i>Công ty con</i>				
Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của Công ty	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP.Hà Nội, Việt Nam	95%	95%	Sản xuất kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Trong Quý 1 năm 2023 là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, các sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Không có

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thông tư bổ sung 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ba đầu không quá ba tháng.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>30 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>7 - 8 năm</i>
<i>Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng</i>	<i>5- 10 năm</i>

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm: Chi phí mua bảo hiểm, chi phí phần mềm, công cụ dụng cụ; tiền thuê đất trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**Chi phí tài chính là khoản chi phí đi vay vốn.**

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

15. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***15. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của công ty trong kỳ tài chính hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2023	01/01/2023
Tiền		
Tiền mặt	4,579,809,301	390,954,058
Việt Nam đồng	4,579,809,301	390,954,058
Tiền gửi ngân hàng	9,361,574,129	14,024,974,037
Tiền gửi ngân hàng Việt Nam đồng	3,761,574,129	14,024,974,037
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	5,600,000,000	-
Tiền đang chuyển	300,000,000	-
Tiền Việt Nam	300,000,000	-
Cộng	14,241,383,430	14,415,928,095

2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	20,500,000,000	-	20,500,000,000	-
Cộng	20,500,000,000	-	20,500,000,000	-

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất từ 6,20% đến 8,30% /năm tại Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2023		01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	98,800,000,000	-	-	98,800,000,000	-	-
Cộng	98,800,000,000	-	-	98,800,000,000	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con

Tên Công ty	31/03/2023		01/01/2023			
	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	98,800,000,000	95%	95%	98,800,000,000	95%	95%

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con

Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng tiền thân là Công ty TNHH Đa ngành Hải Đăng được thành lập và hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0500478475 cấp lần đầu ngày 14/8/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được thay đổi lần 6 ngày 25/10/2021, ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Hoàng Tiến	292,681,826	-	26,878,005	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ván gỗ công nghiệp Thuận Phát	386,288,952	-	165,658,476	-
Công ty TNHH vật tư Dịu Hiền	208,912,171	-	-	-
Sewon Precision and IND. CO., LTD	-	-	52,698,698	(35,746,402)
Phải thu đối tượng khác	294,620,369	-	46,762,523	-
Cộng	1,182,503,318	-	291,997,702	(35,746,402)

4. Trả trước cho người bán

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP vật liệu Hải Đăng	2,878,946,497	-	9,897,321,412	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ Tin học MOORE AISC	-	-	64,800,000	-
Trương Văn Hiếu	11,500,000,000	-	-	-
Phải trả đối tượng khác	5,806,059	-	2,816,000	-
Cộng	14,384,752,556	-	9,964,937,412	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				-
Lãi dự thu	608,227,120	-	197,797,259	-
Phải thu khác	696,585	-	20,000,000	-
Cộng	608,923,705	-	217,797,259	-

6. Hàng tồn kho

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	1,106,190,419	-	57,507,535	-
Công cụ dụng cụ	-	-	1,106,000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	3,160,500	-
Hàng hóa	13,585,681,366	-	10,354,676,235	-
Hàng gửi bán	9,537,166,593	-	13,809,394,152	-
Cộng	24,229,038,378	-	24,225,844,422	-

7. Chi phí trả trước

	31/03/2023	01/01/2023
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	61,083,669	109,036,505
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	61,083,669	109,036,505
b. Chi phí trả trước dài hạn	8,355,912,907	8,449,599,276
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	129,267,790	78,596,084
Quyền sử dụng mặt bằng (i)	8,167,707,672	8,225,498,058
Chi phí khác	58,937,445	145,505,134
Cộng	8,416,996,576	8,558,635,781

(i) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Khu dự án Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8a. Thuyết minh TSCĐ	Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
	Số dư tại 01/01/2023	5,660,225,077	2,812,024,000	810,435,834	1,673,335,688	10,956,020,599
	Số dư tại ngày 31/03/2023	5,660,225,077	2,812,024,000	810,435,834	1,673,335,688	10,956,020,599
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
	Số dư tại 01/01/2023	412,344,342	1,524,378,592	266,918,942	527,700,577	2,731,342,453
	Trích khấu hao trong năm	47,168,541	80,708,619	26,136,618	44,449,740	198,463,518
	Phân loại lại	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
	Số dư tại ngày 31/03/2023	459,512,883	1,605,087,211	293,055,560	572,150,317	2,929,805,971
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
	Số dư tại 01/01/2023	5,247,880,735	1,287,645,408	543,516,892	1,145,635,111	8,224,678,146
	Số dư tại ngày 31/03/2023	5,200,712,194	1,206,936,789	517,380,274	1,101,185,371	8,026,214,628

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Xe oto tại 1,4 tấn BKS: 29C-38787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8b. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại 01/01/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Số dư tại 31/03/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Giá trị còn lại		
Số dư tại 01/01/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Số dư tại 31/03/2023	49,724,804,626	49,724,804,626

(*) Quyền sử dụng đất tại 31/03/2023 gồm:

- Quyền sử dụng đất là lô đất tại Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Quyền sử dụng đất là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 8A + 8B, lô G5 thuộc khu A, khu nhà ở Anh Dũng IV, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

9. Phải trả người bán

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Chi nhánh công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC	67,200,000	67,200,000	-	-
Công ty TNHH vận tải An Thiên Phú	18,500,000	18,500,000	20,000,001	20,000,001
Phải trả đối tượng khác	5,841,204	5,841,204	9,129,362	9,129,362
Cộng	91,541,204	91,541,204	29,129,363	29,129,363

04
 07
 08
 NI
 IC
 TH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Người mua trả tiền trước

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Trần Gia	1,613,990	-	8,392,800	-
Công ty TNHH PRO-HUB Việt Nam	-	-	2,000,000	-
Nguyễn Văn Đích	22,219,000	-	-	-
Nguyễn Hữu Chính	20,574,000	-	-	-
Phải trả đối tượng khác	25,984,377	-	15,073,400	-
Cộng	70,391,367	-	25,466,200	-

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	31/03/2023
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	689,852,894	189,010,191	740,195,674	138,667,411
Thuế TNDN	174,777,391	31,571,608	194,777,391	11,571,608
Thuế thu nhập cá nhân	-	5,607,728	5,702,826	(95,098)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7,000,000	7,000,000	-
Cộng	864,630,285	233,189,527	947,675,891	150,143,921

12. Phải trả khác

	31/03/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn	46,477,200	39,488,600
Kinh phí công đoàn	46,477,200	39,488,600
b. Dài hạn	200,000,000	200,000,000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200,000,000	200,000,000
Cộng	246,477,200	239,488,600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vay và nợ thuê tài chính**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/03/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	7,375,396,710	7,375,396,710	7,375,396,710	1,392,888,636	1,392,888,636	1,392,888,636
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Vạn Phúc Hà Nội.	7,375,396,710	7,375,396,710	7,375,396,710	1,392,888,636	1,392,888,636	1,392,888,636
	7,375,396,710	7,375,396,710	7,375,396,710	1,392,888,636	1,392,888,636	1,392,888,636

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3838347/HĐTD ngày 05/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Vạn Phúc Hà Nội với Công ty. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Phương thức đảm bảo: thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm: Quyền đòi nợ, quyền sử dụng đất là thừa đất tại khu đô thị mới Cao Xanh, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND thành phố Hạ Long cấp ngày 09/05/2018. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2023 là 7.375.396.710 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	173,132,000,000	-	19,891,993,939	193,023,993,939
Tăng vốn	26,868,000,000	2,254,827,061	-	29,122,827,061
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	2,374,771,371	2,374,771,371
Số dư tại ngày 31/03/2022	200,000,000,000	2,254,827,061	22,266,765,310	224,521,592,371
Số dư tại 01/01/2023	200,000,000,000	2,254,827,061	29,590,076,016	231,844,903,077
Tăng vốn (*)				-
Lợi nhuận trong kỳ	-		127,180,430	127,180,430
Số dư tại ngày 31/03/2023	200,000,000,000	2,254,827,061	29,717,256,446	231,972,083,507

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/03/2023	01/01/2023
Đỗ Thanh Hải	21.50%	43,000,000,000	43,000,000,000
Cổ đông khác	78.50%	157,000,000,000	157,000,000,000
Cộng	100.00%	200,000,000,000	200,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	200,000,000,000	200,000,000,000
Vốn góp đầu kỳ	200,000,000,000	173,132,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	26,868,000,000
Vốn góp cuối kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	17,289,212,696	29,622,293,226
Doanh thu cung cấp dịch vụ	211,840,901	214,230,643
Cộng	17,501,053,597	29,836,523,869
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	17,289,212,696	29,622,293,226
Doanh thu cung cấp dịch vụ	211,840,901	214,230,643
Cộng	17,501,053,597	29,836,523,869
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thành phẩm		
Giá vốn hàng hóa	15,928,683,340	25,342,613,994
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28,083,000	31,131,237
Cộng	15,956,766,340	25,373,745,231
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23,773,747	6,762,270
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	410,429,861	242,630,137
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	303,966
Cộng	434,203,608	249,696,373
5. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	61,280,825	259,352,372
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-
Cộng	61,280,825	259,352,372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	530,405,615	490,352,984
Chi phí đồ dùng văn phòng	6,866,185	18,533,593
Chi phí khấu hao TSCĐ	102,290,733	76,987,950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308,911,957	291,682,208
Cộng	948,474,490	877,556,735
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	368,924,550	259,087,184
Chi phí đồ dùng văn phòng	73,906,853	61,736,590
Chi phí khấu hao TSCĐ	65,041,548	66,035,050
Thuế, phí và lệ phí	8,545,000	8,633,680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271,517,832	145,247,436
Chi phí bằng tiền khác	6,000,000	66,358,044
Chi phí dự phòng	16,952,296	-
Cộng	810,888,079	607,097,984
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nhân viên	899,330,165	749,440,168
Chi phí khấu hao TSCĐ	167,332,281	143,023,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580,429,789	225,517,619
Chi phí khác bằng tiền	95,318,038	366,673,932
Cộng	1,742,410,273	1,484,654,719
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận trước thuế	158,752,038	2,968,464,214
Các khoản điều chỉnh giảm	894,000	-
Thu nhập tính thuế	157,858,038	2,968,464,214
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31,571,608	593,692,843
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31,571,608	593,692,843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 và ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 và ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31/03/2022	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	19,850,835,597	-	19,850,835,597
Phải trả người bán	36,365,093,096	-	36,365,093,096
Chi phí phải trả	0	-	0
Các khoản phải trả khác	50,313,250	200,000,000	250,313,250
Cộng	56,266,241,943	-	56,466,241,943

Tại ngày 31/03/2023	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	7,375,396,710	-	7,375,396,710
Phải trả người bán	91,541,204	-	91,541,204
Chi phí phải trả	9,092,955	-	9,092,955
Các khoản phải trả khác	46,477,200	200,000,000	510,444,200
Cộng	7,986,475,069	-	7,986,475,069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/03/2023	01/01/2023	31/03/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
			Giá trị	
Tài sản tài chính				
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20,500,000,000	-	20,500,000,000	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14,241,383,430	-	14,241,383,430	-
- Phải thu khách hàng	1,182,503,318	-	1,182,503,318	-
- Phải thu khác	608,923,705	-	608,923,705	-
TỔNG CỘNG	36,532,810,453	-	36,532,810,453	-
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	7,375,396,710	-	7,375,396,710	-
- Phải trả người bán	91,541,204	-	91,541,204	-
- Chi phí phải trả	9,092,955	-	9,092,955	-
- Phải trả khác	246,477,200	-	246,477,200	-
TỔNG CỘNG	7,722,508,069	-	7,722,508,069	-

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

(TH) IC = 0.00 (91)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLAND	Cùng Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Đỗ Mạnh Tú	Cố đồng công ty, người có liên quan của người nội bộ (ông Đỗ Thanh Hải và ông Đỗ Hải Đăng)
Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất Nethome	Công ty có Giám đốc là người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Kế toán trưởng

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Tại ngày 31/03/2023	Tại ngày 01/01/2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	203,863,513	-
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản Pcland	203,863,513	-
Trả trước cho người bán	2,878,946,497	9,897,321,412
Công ty CP Vật liệu Hải Đăng	2,878,946,497	9,897,321,412
Phải trả dài hạn	200,000,000	200,000,000
Nhận ký quỹ Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản Pcland	200,000,000	200,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,376,768,851	204,600,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản Pcland	204,600,000	204,600,000
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	2,172,168,851	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,172,905,338	204,797,469
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản Pcland	736,487	204,797,469
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	2,172,168,851	-
Đặt cọc tiền hàng	-	20,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản Pcland	-	20,000,000,000
Mua hàng hóa dịch vụ	17,590,508,112	27,097,544,144
Ông Đỗ Mạnh Tú	6,000,000	6,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản Pcland	736,487	197,469
Công ty cổ phần Vật liệu Hải Đăng	17,583,771,625	27,091,346,675
Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	10,572,133,197	18,149,133,881
Ông Đỗ Mạnh Tú	6,000,000	6,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản Pcland	736,487	197,469
Công ty cổ phần Vật liệu Hải Đăng	10,565,396,710	18,124,936,412
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200,000,000	200,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản Pcland	200,000,000	200,000,000
	Công ty con	
	Cùng Chủ tịch HĐQT	
+ Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
Lương và các quyền lợi khác	315,707,000	237,481,713

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thùy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Như Quỳnh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Thị Kim Oanh